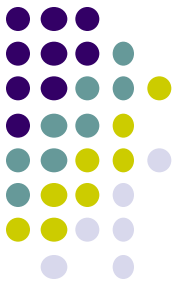




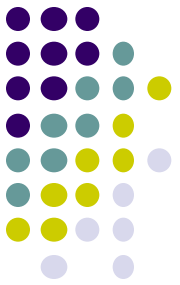
Chương 5

Phụ thuộc hàm và khoá



Phụ thuộc hàm và khóa

- 5.1. Phụ thuộc hàm
- 5.2. Khóa và các tính chất
- 5.3. Thuật toán tìm khóa



Phụ thuộc hàm

- Định nghĩa và biểu diễn phụ thuộc hàm.
- Bao đóng của tập phụ thuộc hàm và hệ luật dẫn Armstrong.
- Bao đóng của tập thuộc tính.
- Phủ và tương đương (Equivalence).

Định nghĩa và biểu diễn phụ thuộc hàm



- *Khái niệm:* Quan hệ R được định nghĩa trên tập thuộc tính $U = A_1 A_2 \dots A_n$. $X, Y \subset U$ là 2 tập con của tập thuộc tính U . Nếu tồn tại một ánh xạ $f: X \rightarrow Y$ thì ta nói rằng X xác định hàm Y , hay Y phụ thuộc hàm vào X , và ký hiệu là $X \rightarrow Y$.
- *Định nghĩa hình thức của phụ thuộc hàm như sau:*
- Quan hệ $Q(ABC)$ có phụ thuộc hàm A xác định B (ký hiệu là $A \rightarrow B$) nếu: $\forall q, q' \in Q$, sao cho $q.A = q'.A$ thì $q.B = q'.B$

Định nghĩa và biểu diễn phụ thuộc hàm...



- $A \rightarrow B$ được gọi là **phụ thuộc hàm hiển nhiên** nếu $B \subseteq A$.
- $A \rightarrow B$ được gọi là **phụ thuộc hàm nguyên tố**, hoặc nói cách khác, B được gọi là **phụ thuộc hàm đầy đủ** (fully functional dependence) vào A nếu $\forall A' \subset A$ đều không có $A' \rightarrow B$.
- **Ví dụ 4.15:** Trong CSDL quản lý hàng hóa, quan hệ $HANG(MaH, TenH, SLTon)$ có các phụ thuộc hàm sau:
- $f1: MaH \rightarrow tenH; \quad f2: MaH \rightarrow SLTon;$
- Các phụ thuộc hàm trên đều là nguyên tố.

Định nghĩa và biểu diễn phụ thuộc hàm...

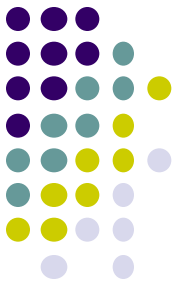


- Quan hệ CHITIETHD (Sohoadon, Mahang, Soluongdat, Dongia, Trigia) có các phụ thuộc hàm sau:
- $f1: \text{Sohoadon, Mahang} \rightarrow \text{Soluongdat}$.
- $f2: \text{Sohoadon, Mahang} \rightarrow \text{Dongia}$.
- $f3: \text{Sohoadon, Mahang} \rightarrow \text{Trigia}$.
- $f4: \text{Soluongdat, Dongia} \rightarrow \text{Trigia}$.
- $f5: \text{Mahang} \rightarrow \text{Dongia}$
- Thuộc tính Dongia phụ thuộc hàm không đầy đủ vào khóa (Sohoadon, Mahang), bởi vì nó chỉ phụ thuộc vào mặt hàng (thông qua Mahang).

Bao đóng của tập PTH và hệ luật dẫn Armstrong



- **Bao đóng của tập phụ thuộc hàm**
- Gọi F là tập các phụ thuộc hàm của $R(U)$, $X \rightarrow Y$ là một phụ thuộc hàm; $X, Y \subseteq U$. $X \rightarrow Y$ được suy diễn logic từ F nếu R thỏa các phụ thuộc hàm của F thì cũng thỏa $X \rightarrow Y$, ký hiệu: $F \models X \rightarrow Y$.
- Gọi F^+ là bao đóng (Closure) của F , tức là tập các phụ thuộc hàm được suy diễn logic từ F .
- Nếu $F = F^+$ thì F là họ đầy đủ (full family) của các phụ thuộc hàm.
- Bài toán thành viên (MemberShip) nêu vấn đề phụ thuộc hàm $X \rightarrow Y$ có phải là được suy diễn logic từ F hay không (tức là $X \rightarrow Y \in F^+$?) là một bài toán khó giải. Nó đòi hỏi chúng ta phải có một hệ luật dẫn để suy diễn logic các phụ thuộc hàm.



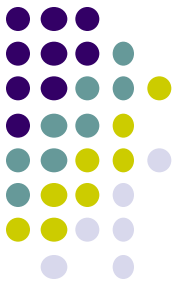
Hệ luật dẫn Armstrong

- Năm 1974, Armstrong đã đưa ra hệ tiên đề như sau:
- $X, Y, Z, W \subseteq U$. Phụ thuộc hàm có các tính chất sau đây:
- (1) Tính phản xạ: Nếu $Y \subseteq X$ thì $X \rightarrow Y$.
- (2) Tính gia tăng: Nếu $X \rightarrow Y$ thì $XZ \rightarrow YZ$.
- (3) Tính bắc cầu: Nếu $X \rightarrow Y$ và $Y \rightarrow Z$ thì $X \rightarrow Z$.
- Đã chứng minh hệ tiên đề Armstrong là đúng đắn và đầy đủ.
- **Bổ đề 1:** Hệ tiên đề Armstrong là đúng, nghĩa là, với F là tập phụ thuộc hàm đúng trên quan hệ R , nếu $X \rightarrow Y$ là một phụ thuộc hàm.
- **Bổ đề 2:** Từ hệ tiên đề Armstrong suy ra một số luật bổ sung:
- (4) Tính phân rã (hoặc luật tách): Nếu $X \rightarrow YZ$ thì $X \rightarrow Y$ và $X \rightarrow Z$.
- (5) Tính hợp (hoặc luật hợp): Nếu $X \rightarrow Y$ và $X \rightarrow Z$ thì $X \rightarrow YZ$.
- (6) Tính tựa bắc cầu: Nếu $X \rightarrow Y$ và $YZ \rightarrow W$ thì $XZ \rightarrow W$.



Hệ luật dẫn Armstrong...

- **Ví dụ:** Cho lược đồ quan hệ R (A,B,C,D,E,G,H) và tập các phụ thuộc hàm $F = \{AB \rightarrow C, B \rightarrow D, CD \rightarrow E, CE \rightarrow GH, G \rightarrow A\}$. Áp dụng hệ tiên đề Armstrong, tìm một chuỗi suy diễn $AB \rightarrow E$.
- Giải:
- 1. $AB \rightarrow C$ (cho trước - phụ thuộc hàm f1)
- 2. $AB \rightarrow AB$ (tính chất phản xạ)
- 3. $AB \rightarrow B$ (luật tách)
- 4. $B \rightarrow D$ (cho trước - phụ thuộc hàm f2)
- 5. $AB \rightarrow D$ (bắc cầu 3 & 4)
- 6. $AB \rightarrow CD$ (hợp 1 & 5)
- 7. $CD \rightarrow E$ (cho trước - phụ thuộc hàm f3)
- 8. $AB \rightarrow E$ (bắc cầu 6 & 7). Kết thúc.



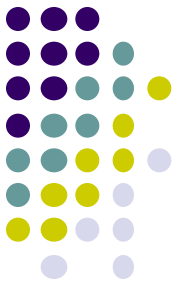
Hệ luật dẫn Armstrong...

- **Ví dụ:** Cho lược đồ quan hệ R (A,B,C,D,E,G,H,I,J) và tập các phụ thuộc hàm $F = \{AB \rightarrow E, AG \rightarrow J, BE \rightarrow I, E \rightarrow G, GI \rightarrow H\}$. Tìm chuỗi suy diễn $AB \rightarrow GH$
- 1. $AB \rightarrow E$ (cho trước - phụ thuộc hàm f1)
- 2. $AB \rightarrow AB$ (phản xạ)
- 3. $AB \rightarrow B$ (luật tách)
- 4. $AB \rightarrow BE$ (hợp của 1 & 3)
- 5. $BE \rightarrow I$ (cho trước - phụ thuộc hàm f3)
- 6. $AB \rightarrow I$ (bắc cầu 4 & 5)
- 7. $E \rightarrow G$ (cho trước - phụ thuộc hàm f4)
- 8. $AB \rightarrow G$ (bắc cầu 1 & 7)
- 9. $AB \rightarrow GI$ (hợp 6 & 8)
- 10. $GI \rightarrow H$ (cho trước - phụ thuộc hàm f5)
- 11. $AB \rightarrow H$ (bắc cầu 9 & 10)
- 12. $AB \rightarrow GH$ (hợp 8 & 11)

Hệ luật dẫn Armstrong...



- *Bổ đề 3: $X \rightarrow Y$ được suy diễn logic từ F nhờ hệ tiên đề Armstrong khi và chỉ khi $Y \subseteq X_f^+$.*
- *(X_f^+ là bao đóng của tập thuộc tính X đối với tập phụ thuộc hàm F chúng ta sẽ nghiên cứu sau đây.)*



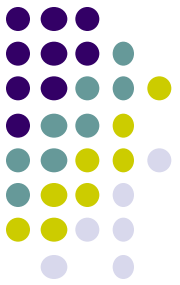
Bao đóng của tập thuộc tính

- *Định nghĩa:* Bao đóng (Closure) của tập các thuộc tính X đối với tập các phụ thuộc hàm F (ký hiệu là X_F^+ hoặc X^+) là tập tất cả các thuộc tính A có thể suy dẫn từ X nhờ tập bao đóng của các phụ thuộc hàm F^+ :
- $X_F^+ = \{ A \mid X \rightarrow A \in F^+ \}$
- **Void Closure (X, F)**
- {
- **ketqua**= X ;
- While (có sự thay đổi trên tập **ketqua**)
- For (mỗi pth $W \rightarrow Z$ trong F)
- If $W \subseteq \mathbf{ketqua}$
- **ketqua** = **ketqua** $\cup Z$
- Return **ketqua**;
- };
- Tập **ketqua** là bao đóng của tập thuộc tính X



Bao đóng của tập thuộc tính...

- **Ví dụ 4.19:** cho tập phụ thuộc hàm $F=\{A\rightarrow BC, I\rightarrow K, GB\rightarrow H, CG\rightarrow I, B\rightarrow H\}$ của quan hệ $R(ABCDEFGHIK)$. Hãy tính bao đóng của tập thuộc tính $AG, (AG)^+$
- Áp dụng thuật toán trên ta tính như sau:
- Ban đầu $\text{ketqua}=AG$
- Ta lần lượt xét tất cả các phụ thuộc hàm trong F :
- $A\rightarrow BC$ có $A \subseteq \text{ketqua}$ nên $\text{ketqua}=\text{ketqua} \cup BC = AGBC$
- $I\rightarrow K$ có $I \not\subseteq \text{ketqua}$ nên ketqua vẫn giữ nguyên
- $GB\rightarrow H$ có $GB \subseteq \text{ketqua}$ nên $\text{ketqua}=\text{ketqua} \cup H = AGBCH$
- $CG\rightarrow I$ có $CG \subseteq \text{ketqua}$ nên $\text{ketqua}=\text{ketqua} \cup I = AGBCHI$
- $B\rightarrow H$ có $B \subseteq \text{ketqua}$ nhưng đã có H trong ketqua nên ketqua giữ nguyên
- Quay lại từ đầu tập F lần 2:
- $A\rightarrow BC$ có $A \subseteq \text{ketqua}$ nhưng đã có BC trong ketqua nên ketqua giữ nguyên
- $I\rightarrow K$ có $I \subseteq \text{ketqua}$ nên $\text{ketqua}=\text{ketqua} \cup K = AGBCHIK$
- Tiếp tục các phụ thuộc hàm sau không làm thay đổi kết quả.
- Lần này tập ketqua có thay đổi nên lại quay lại từ đầu tập F lần 3:
- Lần này ketqua không thay đổi nên dừng.
- Cuối cùng ta được $(AG)^+ = \text{ketqua} = AGBCHIK$.



Bao đóng của tập thuộc tính...

- Để xác định một phụ thuộc hàm có thuộc F^+
- Để xác định phụ thuộc hàm $X \rightarrow Y$ có thuộc F^+ ta tính X^+
 - Nếu $Y \subseteq X^+$ thì $X \rightarrow Y \in F^+$, trái lại thì không thuộc.
- Ví dụ: $F = \{CD \rightarrow A, E \rightarrow B, DB \rightarrow C, C \rightarrow D\}$
- Phụ thuộc hàm nào sau đây thuộc F^+ : $DE \rightarrow BC, AC \rightarrow BE$
- Vì $(DE)^+ = DEBCA$ chứa BC nên $DE \rightarrow BC$ thuộc F^+
- Vì $(AC)^+ = ACD$ không chứa BE nên $AC \rightarrow BE$ không thuộc F^+

Phủ và tương đương (Equivalence)



- **Định nghĩa:** Hai tập phụ thuộc hàm F và G dựa trên Q được gọi tương đương. Ký hiệu là $F \equiv G$ nếu $F^+ = G^+$
- $F \equiv G$ thì F được gọi là 1 phủ của G , hay G là một phủ của F .
- **Để chứng minh $F \equiv G$ ta đi chứng minh:**
- (i) $\forall X \rightarrow Y \in F \Rightarrow X \rightarrow Y \in G^+$
- Để chứng minh điều này ta tính $(X)_G^+$, nếu $Y \subseteq (X)_G^+$ thì $X \rightarrow Y \in G^+$
- (ii) $\forall W \rightarrow Z \in G \Rightarrow W \rightarrow Z \in F^+$
- Tương tự ta tính W_F^+ , nếu $Z \subseteq W_F^+$ thì $W \rightarrow Z \in F^+$

Phủ tối thiểu (Minimum Cover)



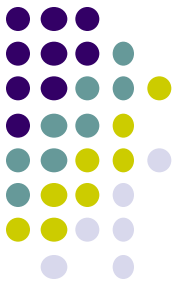
- Cho F là tập các phụ thuộc hàm dựa trên Q và một tập các RBTV dạng phụ thuộc hàm.
- Ta biết từ F ban đầu ta có tìm ra nhiều tập F_i tương đương với F bằng cách suy từ các phụ thuộc hàm của F . Quan hệ thoả các F_i thì cũng thoả F và ngược lại.
- Ví dụ: $F = \{A \rightarrow B, B \rightarrow C\}$, ta có : $F_1 = \{A \rightarrow B, B \rightarrow C, A \rightarrow C\}$, $F_2 = \{A \rightarrow B, B \rightarrow C, A \rightarrow C, AB \rightarrow BC\}$, ... và $F_1 \equiv F$, $F_2 \equiv F$
- Vấn đề được đặt ngược lại là nếu cho F thì ta có thể tìm ra được tập phụ thuộc hàm đơn giản hơn F và tương đương với F ?

Phủ tối thiểu (Minimum Cover)...



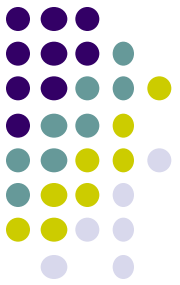
- **Định nghĩa thuộc tính dư thừa (Extraneous):**
- Một thuộc tính được gọi là dư thừa trong tập phụ thuộc hàm F nếu như ta bỏ nó ra khỏi các phụ thuộc hàm mà bao đóng của F vẫn không đổi.
 - Cho $X \rightarrow Y \in F$
 - A là thuộc tính dư thừa trong X nếu $A \in X$ và $F \equiv (F - \{X \rightarrow Y\}) \cup \{(X - A) \rightarrow Y\}$
 - B là thuộc tính dư thừa trong Y nếu $B \in Y$ và $F \equiv (F - \{X \rightarrow Y\}) \cup \{X \rightarrow (Y - B)\}$
- **Phủ tối thiểu của F** ký hiệu là F_c là tập phụ thuộc hàm tương đương với F và thỏa các tính chất sau:
 - Không có phụ thuộc hàm nào trong F_c chứa các thuộc tính dư thừa.
 - Không có phụ thuộc hàm nào là dư thừa.

Phủ tối thiểu (Minimum Cover)...



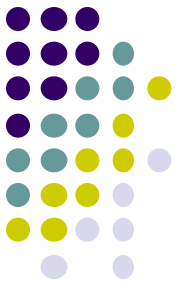
- Thuật toán 1 tìm phủ tối thiểu từ F
- do
- Sử dụng công thức hợp để thay thế các phụ thuộc hàm có cùng vế trái:
- $X_1 \rightarrow Y_1$ và $X_1 \rightarrow Y_2 \Rightarrow X_1 \rightarrow Y_1 Y_2$
- Nếu có một phụ thuộc hàm $X \rightarrow Y$ có các thuộc tính dư thừa bên vế trái hay vế phải thì xóa nó khỏi $X \rightarrow Y$
- **while** (F không thay đổi)

Phủ tối thiểu (Minimum Cover)...



- **Ví dụ 4.21:** Cho F là tập phụ thuộc hàm trên lược đồ quan hệ (ABC) như sau:
- $F = \{A \rightarrow BC, B \rightarrow C, A \rightarrow B, AB \rightarrow C\}$
- Tìm phủ tối thiểu F_c của F
- Có hai phụ thuộc hàm cùng vế trái: $A \rightarrow BC, A \rightarrow B$
- Ta thay thế hai phụ thuộc hàm trên bằng phụ thuộc hàm $A \rightarrow BC$
- Tập phụ thuộc hàm mới: $F = \{A \rightarrow BC, B \rightarrow C, AB \rightarrow C\}$
- A là thuộc tính dư thừa trong $AB \rightarrow C$ vì $F \equiv (F - \{AB \rightarrow C\}) \cup \{B \rightarrow C\}$
- Do đó $AB \rightarrow C$ được thay bằng $B \rightarrow C$
- Tập phụ thuộc hàm mới là: $F = \{A \rightarrow BC, B \rightarrow C\}$
- C là thuộc tính dư thừa trong $A \rightarrow BC$ vì $F \equiv (F - \{A \rightarrow BC\}) \cup \{A \rightarrow B\}$
- Do đó $A \rightarrow BC$ được thay thế bằng $A \rightarrow B$
- Tập phụ thuộc hàm mới là: $F = \{A \rightarrow B, B \rightarrow C\}$
- Vậy phủ tối thiểu của F là: **$F_c = \{A \rightarrow B, B \rightarrow C\}$**

Phủ tối thiểu (Minimum Cover)...



- Thuật toán 2 tìm phủ tối thiểu từ F
- B1: Dùng luật tách, tách các PTH để về phải chỉ còn 1 thuộc tính.
 - ($X \rightarrow YZ$ thành $X \rightarrow Y$ và $X \rightarrow Z$)
- B2: Loại bỏ các thuộc tính dư thừa ở vế trái của các PTH.
 - Lần lượt tính bao đóng của từng thuộc tính trong vế trái, nếu nó chứa các thuộc tính còn lại thì loại bỏ các thuộc tính còn lại đó:
 $XY \rightarrow Z$, Y là dư thừa nếu $X^+ \supseteq Y$.
- B3: Loại bỏ các phụ thuộc hàm dư thừa
 - Tính ($X^+_{F-(X \rightarrow Y)}$) nếu $(X^+_{F-(X \rightarrow Y)}) \supseteq Y$ thì $X \rightarrow Y$ là dư thừa.

Phủ tối thiểu (Minimum Cover)...



- **Ví dụ:** Cho F là tập phụ thuộc hàm trên lược đồ quan hệ $R(ABC)$ như sau:
 $F = \{A \rightarrow BC, B \rightarrow C, A \rightarrow B, AB \rightarrow C\}$. Tìm phủ tối thiểu F_c của F
- **B1:** Có $A \rightarrow BC$ nên ta tách thành $A \rightarrow B, A \rightarrow C$
- $F1 = \{A \rightarrow C, B \rightarrow C, A \rightarrow B, AB \rightarrow C\}$
- **B2:** Loại bỏ thuộc tính dư thừa ở vế trái
- Xét $AB \rightarrow C$, tính $B^+ = BC$ không chứa A nên A không dư thừa
- tính $A^+ = ABC \supseteq B$ nên B là dư thừa
- $F2 = \{A \rightarrow C, B \rightarrow C, A \rightarrow B\}$
- **B3:** Loại bỏ các PTH dư thừa
- Xét $B \rightarrow C$: Tính $(B^+_{F-(B \rightarrow C)}) = B$ không chứa C nên $B \rightarrow C$ không dư thừa.
- Xét $A \rightarrow B$: Tính $(A^+_{F-(A \rightarrow B)}) = AC$ không chứa B nên $A \rightarrow B$ không dư thừa.
- Xét $A \rightarrow C$: Tính $(A^+_{F-(A \rightarrow C)}) = ABC \supseteq C$ nên $A \rightarrow C$ dư thừa.
- $F3 = \{B \rightarrow C, A \rightarrow B\}$
- Đến đây không thể loại thêm được nữa.
- Vậy phủ tối thiểu của F là: **$F_c = \{A \rightarrow B, B \rightarrow C\}$**

Khóa và các tính chất



- Định nghĩa khóa của quan hệ theo phụ thuộc hàm:
- $R(U)$, $U = \{A_1, A_2, \dots, A_n\}$, $F = \{f_1, f_2, \dots, f_m\}$ xác định trên R . $K \subseteq U$ là khóa của R nếu thỏa hai điều kiện sau:
 - (i) $K \rightarrow U$.
 - (ii) $\nexists K' \subset K$ mà $K' \rightarrow U$.

Khóa và các tính chất...



- Cho lược đồ quan hệ $R(U, F)$ với U là tập thuộc tính, F là tập phụ thuộc hàm
- - Giao của các khóa ký hiệu là X được xác định như sau:
- $$X = U - \bigcup_{L \rightarrow R \in F} (R - L)$$
- X được tính bằng tập thuộc tính U trừ đi hợp của các vế phải trừ vế trái của phụ thuộc hàm.
- Lược đồ quan hệ có một khóa duy nhất khi $X^+ = U$.

Thuật toán xác định khoá của lược đồ quan hệ



- Thuật toán tìm 1 khóa
- Thuật toán 1:
- **Ý tưởng:** Xuất phát từ một siêu khóa K (có thể là U), lần lượt xem xét và loại bỏ thuộc tính A nếu $(K - A)^+ = U$
- Input: $R(U, F)$, $U = A_1 A_2 \dots A_n$
- Output: Tập thuộc tính khóa K
- **Bước 1:** $K = U$;
- **Bước 2:** While $(A_i \in K)$
 - If $((K - A_i)^+ = U)$ $K = K - A_i$
- K còn lại chính là một khóa cần tìm.
- Nếu muốn tìm các khóa khác nhau (nếu có) của lược đồ quan hệ, ta có thể thay đổi thứ tự loại bỏ các phần tử của K.

Thuật toán xác định khoá của lược đồ quan hệ...



- **Ví dụ 4.22:** Cho lược đồ quan hệ $R(U)$, $U=ABC$, $F=\{A \rightarrow B, A \rightarrow C, B \rightarrow A\}$. Hãy tìm một khóa của R .
- Giải:
- $K = ABC$
- Loại thuộc tính A do $(K-A)^+ = ABC = U$ nên $K = BC$
- Thuộc tính B không loại được do $(K-B)^+ = C \neq U$ nên $K = BC$
- Loại thuộc tính C do $(K-C)^+ = BCA = U$ nên $K = B$
- Vậy một khóa của R là B .

Thuật toán xác định khoá của lược đồ quan hệ...



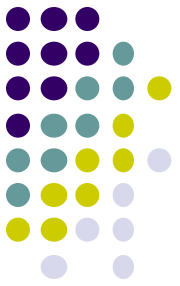
- **Thuật toán 2:**
- Biểu diễn lược đồ quan hệ $R(U)$ bằng đồ thị có hướng như sau:
 - Mỗi nút của đồ thị là tên một thuộc tính của R .
 - Cung nối 2 thuộc tính A và B thể hiện phụ thuộc hàm $A \rightarrow B$
 - Thuộc tính mà chỉ có các mũi tên đi ra gọi là nút gốc.
 - Thuộc tính mà tới nó chỉ có các cung đi tới gọi là nút lá.
- Như vậy khóa phải bao phủ tập các nút gốc, đồng thời không chứa bất kỳ nút lá nào của đồ thị.

Thuật toán xác định khoá của lược đồ quan hệ...

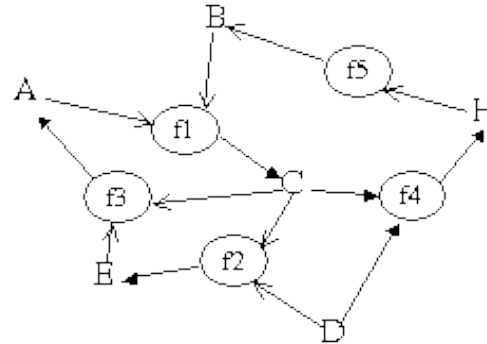


- **Các bước thực hiện**
- **Bước 1:** Xuất phát từ tập các nút gốc (X).
- **Bước 2:** Tính bao đóng của tập thuộc tính X , X^+
- **Bước 3:** Nếu $X^+ = U$ thì X là khoá, ngược lại thì bổ sung một thuộc tính không thuộc nút lá vào X rồi tìm bao đóng. Quay lại **bước 2**.
- Cuối cùng X chính là khoá.

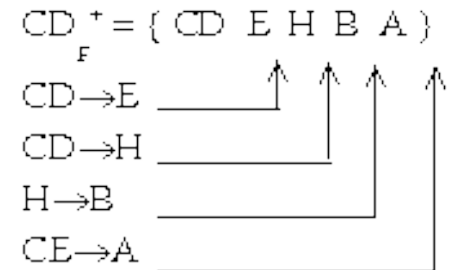
Thuật toán xác định khoá của lược đồ quan hệ...



- **Ví dụ:** Cho R (A, B, C, D, E, H) với $F = \{ AB \rightarrow C, CD \rightarrow E, EC \rightarrow A, CD \rightarrow H, H \rightarrow B \}$. Tìm khóa của R.



- Ta thấy chỉ có nút D là nút gốc, các nút còn lại đều không phải nút lá. Khóa của R phải chứa thuộc tính D.
- $D^+ = D$, bởi vì không tìm thấy phụ thuộc hàm nào có vế trái chỉ có một mình D.
- Vì CD có mặt trong vế trái của 2 phụ thuộc hàm do đó ghép thêm C vào tập các nút gốc để xét khóa.



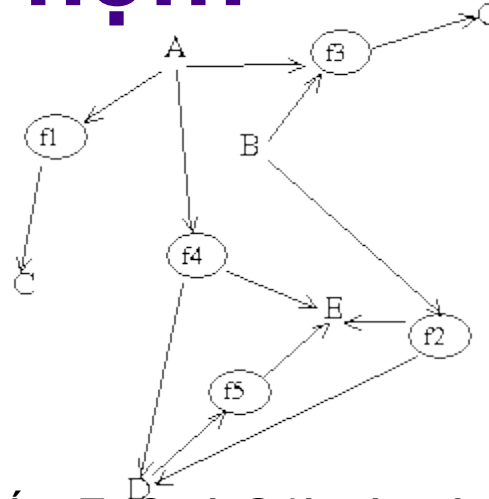
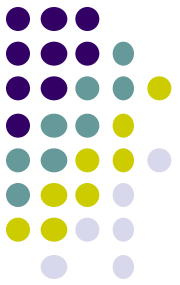
- Như vậy $CD \rightarrow \{C, D, E, H, B, A\}$ do đó CD là khóa của R.

Thuật toán xác định khoá của lược đồ quan hệ...

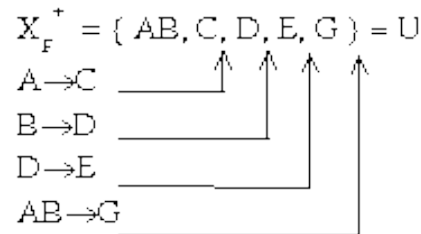


- **Ví dụ:** Cho quan hệ GIANGDAY(MS_CBGD , MS_MH , T_CBGD , HH_CBGD , ML , $TSSV$) với tập phụ thuộc hàm:
 - $F = \{ MS_CBGD \rightarrow T_CBGD;$
 - $MS_MH \rightarrow HH_CBGD, ML;$
 - $HH_CBGD \rightarrow ML;$
 - $MS_CBGD \rightarrow HH_CBGD;$
 - $MS_CBGD, MS_MH \rightarrow TSSV \}$
- Yêu cầu: Xác định khóa của quan hệ GIẢNG-DẠY.
- Lời giải: ký hiệu tên các thuộc tính của quan hệ trên lần lượt là A, B, C, D, E, G tương ứng. Khi đó quan hệ GIẢNG-DẠY và tập phụ thuộc hàm F được viết ngắn gọn lại là:
- $R(A, B, C, D, E, G), F = \{ A \rightarrow C; B \rightarrow D, E; D \rightarrow E; A \rightarrow ED; AB \rightarrow G \}$
- Đồ thị biểu diễn các phụ thuộc hàm như sau:

Thuật toán xác định khoá của lược đồ quan hệ...



- Thuộc tính A và B là các nút gốc. E, C và G là các nút lá. Khóa của quan hệ phải chứa các thuộc tính ở các nút gốc.
- Xét $X = \{ A, B \}^+ = ABCDEG$



- Vậy AB là khóa của R. Tức là, khóa của quan hệ giảng-dạy là $\{ MS_CBGD, MS_MH \}$

Thuật toán tìm nhiều khóa



- Cho lược đồ quan hệ $R(U, F)$ với tập thuộc tính $U = A_1 A_2 \dots A_i, \dots$, F là tập phụ thuộc hàm.
- Thuật toán tìm tất cả các khóa của lược đồ quan hệ:
- *Input*: $R(U, F)$
- *Output*: Tất cả các tập thuộc tính khóa K của R .
- **Bước 1**: Tìm tập X là giao của các khóa theo công thức
- $$X = U - \bigcup_{L \rightarrow R \in F} (R - L)$$
- **Bước 2**: Tính X^+
- Nếu $X^+ = U$ thì quan hệ R chỉ có một khóa duy nhất $K = X$
- Ngược lại thì R có nhiều hơn một khóa và chuyển sang bước 3.
- **Bước 3**: Tính $(X \cup A_i)^+ = U$ thì $K = X \cup A_i$ là các khóa của R .

Thuật toán tìm nhiều khóa...

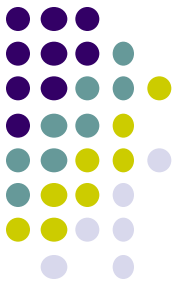


- **Ví dụ 4.25:** Cho lược đồ quan hệ $R(U)$, $U=ABC$ và tập phụ thuộc hàm $F=\{A \rightarrow B, A \rightarrow C, B \rightarrow A\}$. Hãy tìm tất cả các khóa của R .
- Giải:
- Ta có giao của các khóa là $X = \{ABC\} - \{BCA\} = \emptyset$
- Ta thấy $X^+ = \emptyset \neq U$ nên quan hệ có nhiều hơn một khóa.
- Ta có $A^+ = ABC = U$
- Ta có $B^+ = ABC = U$
- Vậy quan hệ R có 2 khóa A hoặc B .

Thuật toán tìm nhiều khóa...



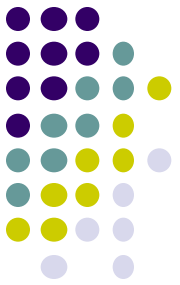
- **Ví dụ 4.26:** Cho lược đồ quan hệ $R(U)$, $U=ABCDG$ và tập phụ thuộc hàm $F=\{B \rightarrow C, C \rightarrow B, A \rightarrow GD\}$. Hãy tìm tất cả các khóa của R .
- Ta có giao của các khóa là $X = \{ABCDG\} - \{CBGD\} = \{A\}$
- Vì $A^+ = AGD \neq U$ nên quan hệ có nhiều hơn một khóa.
- Bổ xung thêm các thuộc tính khác vào cùng với giao của các khóa ta sẽ có các khóa khác nhau của lược đồ quan hệ.
- Bổ xung thêm B , ta có $(AB)^+ = AGDBC = U$
- Bổ xung thêm C , ta có $(AC)^+ = AGDCB = U$
- Vậy quan hệ R có 2 khóa AB hoặc AC .



Bài tập chương 5

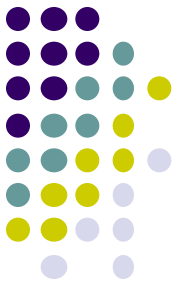
5.1: Cho lược đồ CSDL về hệ thống kế toán của một doanh nghiệp với các quan hệ sau:

- 1. DM-TK (Mã-TK, Tên-TK)
- Qui tắc: Danh mục các tài khoản hạch toán kế toán theo chế độ kế toán hiện hành của Nước CHXHCN Việt nam bao gồm các tài khoản. Mỗi tài khoản có một tên gọi cụ thể và một mã số duy nhất để phân biệt với mọi tài khoản khác.
- 2. TK-ĐỐI-ỨNG (Mã-TK, TK-Đối-ứng);
- Qui tắc: Mỗi tài khoản, theo chế độ hạch toán hình chữ T, khi được phát sinh bên NỢ (hạch toán tăng) thì phải có một mã tài khoản đối ứng bên CÓ (hạch toán giảm) để đảm bảo cân đối tài khoản. Một tài khoản được ghi NỢ có thể có nhiều tài khoản khác nhau được ghi CÓ. Mã tài khoản NỢ và mã tài khoản đối ứng đều phải thuộc danh mục các tài khoản



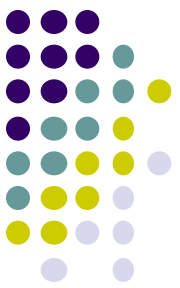
Bài tập chương 5...

- 3. SỔ-CT (Loại-CT, Số-CT, NGÀY-CT, Diễn-Giải, Số-Tiền, TK-NỢ, TK-CÓ).
- Qui tắc: Trong phương pháp kế toán ghi sổ, các chứng từ ban đầu được ghi vào sổ theo dõi, gọi là sổ chứng từ. Mỗi chứng từ đều thuộc một loại chứng từ cụ thể (LOẠI-CT); có một số chứng từ (SỐ-CT) phân biệt với mọi chứng từ khác. Chứng từ được ghi rõ ngày tháng phát sinh (NGÀY-CT), diễn giải nội dung phát sinh (DIỄN-GIẢI), số tiền phát sinh (SỐ-TIỀN), mã tài khoản ghi NỢ (TK-NỢ) và mã tài khoản đối ứng ghi CÓ (TK-CÓ);



Bài tập chương 5...

- 4. SỔ-CÁI (Mã-TK, NỢ-ĐK, CÓ-ĐK, PS-NỢ, PS-CÓ, NỢ-CK, CÓ-CK).
- Qui tắc: Từ sổ chứng từ (SỔ-CT), các chứng từ ghi sổ được tổng hợp theo từng loại tài khoản (Mã-TK) và lập thành sổ cái. Mỗi mã tài khoản (Mã-TK) trong SỔ-CÁI được phản ánh duy nhất 1 lần các số dư NỢ, dư CÓ đầu kỳ (NỢ-ĐK, CÓ-ĐK); số phát sinh NỢ, CÓ trong tháng (PS-NỢ, PS-CÓ), và số dư NỢ, dư CÓ cuối kỳ (NỢ-CK, CÓ-CK). Mã tài khoản phải có trong danh mục tài khoản (DM-TK) nêu trên.
- Câu 1: Xác định phụ thuộc hàm
- Câu 2: Xác định khóa của các quan hệ trong CSDL nêu trên.



Bài tập chương 5...

5.2: Vận dụng hệ tiên đề Armstrong để tìm chuỗi suy diễn:

- Cho $R(A,B,C,D,E,G,H)$ với $F = \{ AB \rightarrow C; B \rightarrow D; CD \rightarrow E; CE \rightarrow GH; G \rightarrow A \}$
- (a) Tìm chuỗi suy diễn cho $AB \rightarrow E$.
- (b) Tìm chuỗi suy diễn cho $BG \rightarrow C$.
- (c) Tìm chuỗi suy diễn cho $AB \rightarrow G$.

5.3: Cho $R(U)$, $U=ABCDEFG$ với tập phụ thuộc hàm $F=\{A \rightarrow C, AC \rightarrow D, D \rightarrow EG, G \rightarrow B, A \rightarrow D, CG \rightarrow A\}$

- 1. Chứng minh rằng R thỏa F thì R thỏa các phụ thuộc hàm $AB \rightarrow E$, $AD \rightarrow BC$. Hay nói cách khác các phụ thuộc hàm $AB \rightarrow E$, $AD \rightarrow BC$ được suy diễn logic từ F .
- 2. Tính bao đóng của các tập thuộc tính: A^+ , $(AC)^+$
- 3. Tìm tất cả các khóa của quan hệ R



Bài tập chương 5...

5.4: Xác định khóa của các lược đồ quan hệ sau:

- Q1 (ABCDEH)
- với $F = \{ AB \rightarrow C; CD \rightarrow E; AH \rightarrow B; B \rightarrow D; A \rightarrow D \}$
- Q2 (ABCDMNPQ)
- với $F = \{ AM \rightarrow NB; BN \rightarrow CM; A \rightarrow P; D \rightarrow M; PC \rightarrow A; DQ \rightarrow A \}$
- Q3 (MNPQRSTUVWXYZ)
- với $F = \{ M \rightarrow W; MR \rightarrow T; T \rightarrow R; QR \rightarrow T; M \rightarrow U; MT \rightarrow P; NP \rightarrow Q; UW \rightarrow R \}$

5.5: Cho $R(ABCD)$, $F = \{ A \rightarrow BC, B \rightarrow C, AB \rightarrow D \}$, $Q(ABCDEI)$, $G = \{ A \rightarrow C, AB \rightarrow C, C \rightarrow DI, CD \rightarrow I, EC \rightarrow AB, EI \rightarrow C \}$

- - Tìm tất cả các khóa của R, Q
- - Tìm phủ tối thiểu F_c , G_c